

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 803 /XMST-KHCL

V/v mời chào gói mua sắm: Mua hộp
giảm tốc các loại (Ký hiệu:
XMST/2020/HGT).

Phủ Thọ, ngày 12 tháng 8 năm 2020

Kính gửi: Các nhà cung cấp tham gia chào giá.

Gói mua sắm: Mua hộp giảm tốc các loại (Ký hiệu:
XMST/2020/HGT).

Căn cứ Quyết định số 427/QĐ-XMST ngày 07/8/2020 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao V/v phê duyệt phương án mua sắm phần việc: Mua hộp giảm tốc các loại phục vụ sửa chữa năm 2020.

Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu chào giá gói mua sắm: Mua hộp giảm tốc các loại (Ký hiệu: XMST/2020/HGT), chi tiết yêu cầu trong thư mời chào giá gửi kèm. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao trân trọng kính mời các nhà cung cấp tham gia chào giá và gửi thư chào giá theo nội dung yêu cầu tại thư mời chào giá.

Thời điểm hết hạn nộp thư báo giá: **Hồi 10 h 00', ngày 20/8/2020.**

Thư báo giá sẽ được mở công khai vào: **Hồi 10h 15', ngày 20/8/2020.**

Các văn bản hướng dẫn liên quan đến thư chào giá đã được Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao đăng trên Website địa chỉ (<https://www.ximangsongthao.com.vn>) mục mua sắm.

Điện thoại liên hệ Mr Chương: 0978 114 816.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Tổ xét giá, Tổ thẩm định;
- KHCL (đăng trên Website);
- Lưu: VT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Ký hiệu gói mua sắm: XMST/2020/HGT

Tên gói mua sắm: Mua hộp giảm tốc các loại

Bên mời chào giá: Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Phú Thọ, tháng 8/2020

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Ký hiệu gói mua sắm: XMST/2020/HGT
Tên gói mua sắm: Mua hộp giảm tốc các loại
Phương án mua sắm: Mua hộp giảm tốc các loại phục vụ sản xuất năm 2020

PHÒNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
Trưởng Phòng



Bùi Thu Phương

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO



KT/ TỔNG GIÁM ĐỐC
KT/ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Anh Tuấn

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMSGCT	Thư mời chào giá cạnh tranh
TCG	Thư chào giá
VND	Đồng Việt Nam
Chủ đầu tư, Bên mời chào giá	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao
NCC	Nhà cung cấp, là đơn vị tham gia chào giá gói mua sắm này

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói mua sắm:

1. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mời Nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh gói mua sắm được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

- Tên gói mua sắm: Mua hộp giảm tốc các loại (Ký hiệu: XMST/2020/HGT).

Gồm có 02 lô mua sắm:

+ Lô số 01: Hộp giảm tốc liên động cơ.

+ Lô số 02: Hộp giảm tốc di chuyển, nâng hạ và các ứng dụng khác.

(Nhà cung cấp có thể chào giá 1 trong 2 lô, hoặc chào cả 02 lô nhưng phải chào đủ số lượng của lô chào hàng mà Nhà cung cấp tham gia).

2. Nguồn vốn để thực hiện gói mua sắm: Vốn SXKD năm 2020.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 04 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong chào giá.

Được quy định cụ thể và đăng trên trang web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mục Mua sắm=>Văn bản hướng dẫn.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong tham gia chào giá:

Nhà cung cấp nộp Thư chào giá phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các nhà cung cấp khác cùng tham dự chào giá gói mua sắm này.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh

1. Làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trong trường hợp cần làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời chào giá muộn nhất 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Khi nhận được đề nghị làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh của nhà cung cấp, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh từ bên mời chào giá cạnh tranh, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh thì bên mời chào giá tiến hành sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh theo thủ tục quy định



tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trường hợp sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà cung cấp đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh không muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời chào giá sẽ gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh tương ứng.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá có thể gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.
2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND.
3. Thư chào giá cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến Thư chào giá được trao đổi giữa bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong Thư chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của Thư chào giá

Thư chào giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
3. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;
4. Bản cam kết thực hiện gói mua sắm theo Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu;
5. Hợp đồng tương tự do nhà cung cấp thực hiện theo Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu;
6. Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo Mẫu số 06 Chương III – Biểu mẫu;
7. Tình hình tài chính của Nhà cung cấp theo Mẫu số 7 Chương III – Biểu mẫu;
8. Bảo đảm dự chào giá theo Mẫu số 09 Chương III – Biểu mẫu;
9. Dự thảo hợp đồng và các tài liệu khác có liên quan.

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào giá bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói mua sắm (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.
2. Nhà cung cấp phải nộp Thư chào giá thực hiện cho gói mua sắm nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào giá hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong Thư chào giá hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào giá bảo quản như một phần của Thư chào giá và được mở đồng thời cùng Thư chào giá của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng Thư chào giá và không được ghi vào biên bản mở Thư chào giá thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Thư chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá.

1. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá là **40 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá**. Thư chào giá nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá, bên mời chào giá có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Thư chào giá. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Thư chào giá của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thư chào giá.

Mục 9. Bảo đảm dự chào giá:

1. Nhà cung cấp phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự chào giá trước thời điểm hết hạn nộp thư chào giá theo một trong các hình thức: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà cung cấp độc lập hoặc Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà cung cấp liên danh theo quy định tại thư mời chào giá này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự chào giá.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự chào giá

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự chào giá: **15.000.000 đồng**.

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự chào giá: **70 ngày**, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp thư chào giá.



3. Bảo đảm dự chào giá được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời chào giá (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào giá.

4. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự chào giá thực hiện theo quy định nêu tại khoản 8 Điều 11 Luật đấu thầu và khoản 1 Điều 19 Nghị định 63/CP.

Mục 10. Quy cách Thư chào giá

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị **01 bản gốc** cùng **02 bản chụp** Thư chào giá đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ**”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp Thư chào giá đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI**”, “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ**”.

2. Túi đựng Thư chào giá, Thư chào giá sửa đổi, Thư chào giá thay thế của nhà cung cấp phải được niêm phong và ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào giá. Bên mời chào giá có trách nhiệm bảo mật thông tin trong Thư chào giá của nhà cung cấp.

3. Tất cả các thành phần của Thư chào giá nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

4. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì Thư chào giá của nhà cung cấp bị loại.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Thư chào giá

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi Thư chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của Bên mời chào giá nhưng phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp thư chào giá là: **hồi 10 giờ 00' ngày 20 tháng 8 năm 2020**.

2. Bên mời cung cấp sẽ tiếp nhận Thư chào giá của tất cả nhà cung cấp nộp Thư chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, kể cả trường hợp nhà cung cấp chưa nhận Thư mời chào giá cạnh tranh trực tiếp từ bên mời chào giá.



Trường hợp nhà cung cấp nộp Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh thì Thư chào giá bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Thư chào giá bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

Trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp nộp Thư chào giá thay thế hoặc Thư chào giá sửa đổi cho bên mời chào giá với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Mục 12. Mở Thư chào giá

1. Thư chào giá sẽ được mở công khai vào **hội 10 giờ 15' ngày 20 tháng 8 năm 2020** tại Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thư chào giá. Việc mở thư chào giá không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà cung cấp tham dự chào giá.

2. Việc mở Thư chào giá được thực hiện đối với từng Thư chào giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc Thư chào giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà cung cấp, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời chào giá thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở Thư chào giá mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời chào giá phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói mua sắm. Bên mời chào giá không được loại bỏ bất kỳ Thư chào giá nào khi mở Thư chào giá, trừ các Thư chào giá nộp sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

3. Bên mời chào giá phải lập biên bản mở Thư chào giá trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở Thư chào giá phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào giá và các nhà cung cấp tham dự lễ mở Thư chào giá. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở Thư chào giá sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự chào giá.

Mục 13. Làm rõ Thư chào giá

1. Sau khi mở Thư chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Thư chào giá theo yêu cầu của bên mời chào giá, bên mời chào giá sẽ có văn bản yêu cầu nhà cung cấp làm rõ Thư chào giá của nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời chào giá sau 01 ngày kể từ thời điểm hết hạn



8

nộp Thư chào giá. Bên cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của Thư chào giá.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Thư chào giá đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Đánh giá Thư chào giá

Việc đánh giá Thư chào giá được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xét duyệt lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 15. Điều kiện xét duyệt lựa chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp được đề nghị lựa chọn cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Thư chào giá hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào thấp nhất;
6. Có giá đề nghị cung cấp không vượt giá gói mua sắm được phê duyệt.

Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên trang Web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và/hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác sau 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 17. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Thư chào giá của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói mua sắm. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Kết quả xác minh khẳng định là nhà cung cấp vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói mua sắm thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực,

kinh nghiệm quy định trong Thư mời chào giá cạnh tranh thì nhà cung cấp sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng cung cấp trước đó và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói mua sắm theo đúng tiến độ.

Mục 18. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời chào giá có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm với điều kiện không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá.

Mục 19. Giải quyết kiến nghị trong chào giá

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư:

Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Địa chỉ: Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ

Tel: 02103.884.927 Fax:02103.884.929;

b) Địa chỉ bộ phận thường trực:

Phòng Kế hoạch chiến lược – Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Liên hệ: Mr Chương – CV Phòng Kế hoạch chiến lược (SĐT: 0978.114.816).

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THƯ CHÀO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

1.1. Kiểm tra Thư chào giá.

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp Thư chào giá;
- b) Kiểm tra các thành phần của Thư chào giá theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết Thư chào giá.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

Thư chào giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc Thư chào giá;
- b) Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh;
- c) Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào giá;
- d) Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- đ) Có Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp.
- e) Có bảo đảm dự chào giá với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 chỉ dẫn nhà cung cấp. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, tên của Bên mời chào giá (đơn vị thụ hưởng) theo quy định tại Mục 9 chỉ dẫn nhà cung cấp;
- f) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 chỉ dẫn nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có Thư chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

2.1: Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà cung cấp độc lập	Nhà cung cấp liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến thời điểm mở thư chào giá, nhà cung cấp không có hợp đồng không hoàn thành.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 06
Năng lực tài chính							
2	Kết quả hoạt động tài chính	Nộp báo cáo tài chính từ năm 2017, 2018 và 2019 để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà cung cấp. Giá trị tài sản ròng của nhà cung cấp trong năm gần nhất phải dương.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 07
2.3	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự	Số lượng tối thiểu 01 hợp đồng thực hiện việc cung cấp hợp đồng giảm tốc. Giá trị hợp đồng $\geq 1,1$ tỉ đồng.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 05

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Thư chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt (Theo Mục 2 Chương IV – Yêu cầu về kỹ thuật).

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà cung cấp. Thư chào giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời chào giá cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ

được cộng thêm vào, giá trị phần chào thầu sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong Thư chào giá của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói mua sắm làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp này; trường hợp Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói mua sắm được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết thực hiện gói mua sắm _____ [Ghi tên gói mua sắm] theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói mua sắm]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Thư chào giá này với tư cách là nhà cung cấp.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào giá.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong chào giá theo quy định của Bên mời chào giá khi tham dự gói mua sắm này.
5. Những thông tin kê khai trong Thư chào giá là trung thực.

Nếu Thư chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Thư chào giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁶⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào giá, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

(5) Ngày hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định của Thư mời chào giá.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

 15

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự chào giá gói mua sắm _ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc Phương án mua sắm _ [Ghi tên Phương án mua sắm] do _ [Ghi tên bên mời chào giá] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Thư mời chào giá và văn bản giải trình, làm rõ Thư chào giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà cung cấp]. ____ [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

BẢNG TỔNG HỢP CHÀO GIÁ

1. Lô số 01: Hộp giảm tốc liên động cơ:

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Xuất xứ	ĐV	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Động cơ liên HGT vít tải 12/16.23	Động cơ: Type: 7WAR 161 M4 TH TF; Công suất : 11KW, Tốc độ: 1450 v/ph Hộp giảm tốc: Type: HU85A 161M4; Tỉ số truyền I = 30.42	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1		
2	Động cơ liên HGT van quay 13/14.20.02	Động cơ: Type: 7WAR 101 L4 TH; CS: 2.2KW; TĐ: 1400 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HU65A 101L4; Tỉ số truyền I = 45.41		Bộ	1		
3	Động cơ liên HGT van quay 13/14.22	Động cơ: Type: 7WAR 101 L4 TH; CS: 2.2KW, TĐ: 1400 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HU65A 101L4; Tỉ số truyền I = 45.41		Bộ	1		
4	Động cơ liên HGT vít tải lọc bụi 22.06	Động cơ: Type: 7WAR 114 M4 TH; CS: 4.0KW, TĐ: 1430 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HU80A114M4; ZT Code: 0812B13104 Tỉ số truyền I = 46.77		Bộ	1		
5	Động cơ liên HGT van quay 19.04.01	Type: HF85A 3B 100L-04F-TH-TF hoặc tương đương		Bộ	1		
6	Động cơ liên HGT van quay lọc bụi 19.06	Động cơ: Type: 7WAR 91 S4 TH; CS: 1.1KW, TĐ: 1390 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HF65A91S4; Tỉ số truyền I = 45.41		Bộ	1		

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Xuất xứ	ĐV	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
7	Động cơ liền HGT vít tải 19.10.01;02	Động cơ: Type: 7WAR 114 M4 TH; CS: 4.0KW, TĐ: 1430 v/ph. ZT Code: 0712B20083 Hộp giảm tốc: Type: HU70A114M4; ZT Code: 0712B20083 Tỉ số truyền I = 25.25	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1		
Tổng Cộng trước thuế							
Thuế VAT 10%							
Tổng cộng sau thuế							

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Giá trên đã bao gồm thuế VAT 10%, giao hàng trên phương tiện bên bán tại kho Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các chi phí khác có liên quan.

2. Lô số 02: Hộp giảm tốc di chuyển, nâng hạ và các ứng dụng khác.

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Hộp giảm tốc liền rulô máy rải 06/18.01	Type: YTH 7-IG, F630 mm, Chiều rộng băng: 800 mm, Tốc độ băng: 2 m/s, Công suất 22 kW	YINGDA/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
2	Động cơ liên HGT di chuyển chậm 05.02-2	Hộp giảm tốc: Type: XWED42-187-0.55kW; Chiều cao tâm trục: 150 mm; Động cơ: Type: YVP-80-4; 0.55Kw; 380V, IP54	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2		
3	Động cơ liên hộp giảm tốc di chuyển chậm máy cào 06/18.03	Hộp giảm tốc: Type: XWD3-9-1,5KW. Chiều cao tâm trục: 140mm, Động cơ: Type: YVP90L-4, IP54	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
4	Hộp giảm tốc nâng hạ cần cào 06/18.03	Tốc độ nâng hạ nhanh: 17m/min Tốc độ nâng hạ chậm: 1,84m/min Yêu cầu Nhà cung cấp đến khảo sát tại hiện trường Bao gồm: Động cơ chính Động cơ phụ Hộp giảm tốc Tang cuốn cáp	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
5	Hộp giảm tốc van quay cyclone lắng	Động cơ liên HGT van quay. Mã hiệu: BLY22-71-3kW	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
6	Động cơ liên HGT vít tải 12.16.17-01	Động cơ: Type: Y132S-4; CS: 5.5KW; TĐ: 1440 v/ph Hộp giảm tốc: Type: XWD7-59-7.5; Tỉ số truyền I = 59 Đường kính trục đầu ra:	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
7	Động cơ liên HGT vít tải 12.16.17 02;03	Động cơ: Y2-71M-4; CS: 0.37KW; TĐ: 1330v/ph. Hộp giảm tốc: TYPE: XWED 42 - 121 - 0.37. Tỉ số truyền: 121	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
8	Động cơ liên HGT búa gỗ cực phóng lọc bụi điện 12.16.19	Động cơ: Kiểu: YS7104; Giảm tốc: Kiểu: XWED8135A-2065-0.18	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2		
9	Động cơ liên HGT van quay 12/16.19.03;04	Động cơ: Type: Y 100L1 - 4; CS: 2.2KW, TĐ: 1430 v/ph Hộp giảm tốc: Type: XLD4 - 43 - 3; Tỉ số truyền: 43	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
10	Động cơ liên HGT van quay 15a.13.03.04	Động cơ: Type: Y 90L - 4T; CS: 1.5KW, TĐ: 1400 v/ph Hộp giảm tốc: Type: XLD3 - 43 - 1.5; Tỉ số truyền: 43	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2		
11	Động cơ liên HGT cân băng 19.03.01;02	Động cơ: Type: 7WAR 114 M4 TH; CS: 4.0KW, TĐ: 1430 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HU80A114M4; ZT Code: 0812B13104. Tỉ số truyền I = 46.77	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
12	Động cơ liên HGT băng rút bao 26,08,01-02	Động cơ: Type: Y90L-4; p=1.5Kw, tốc độ 1390 v/p. Hộp giảm tốc: Type: BWY18-29-1.5KW; Tỷ số truyền 29 Products code A-5143	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
13	Động cơ liên HGT băng máng xuất 26.12 01-04	Động cơ: Type: Y90L-4; p=1.5Kw, tốc độ 1390 v/p. Hộp giảm tốc: Type: BWY18-29-1.5KW; Tỷ số truyền 29 Công suất: 1.5KW; Products code A-5143	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2		

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
14	Động cơ liên HGT làm sạch bao 26.09 01-02	Type: TIBV30-15; Công suất 1,5kW.	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2		
15	Động cơ liên HGT van quay cụm lọc bụi 22.10 -01-02-03	Type: XWD-4-9-2.2 kW	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
16	Động cơ liên HGT Băng máng xuất xi măng	Công suất động cơ 4KW, tốc độ 1440v/p; kiểu HGT HMW-135-1/30, size: 135, tỷ số truyền $i=1/30$, kích thước trục đầu ra $\varnothing 55 \times 95$, kiểu lắp chân đế	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
Tổng Cộng trước thuế							
Thuế VAT 10%							
Tổng cộng sau thuế							

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Giá trên đã bao gồm thuế VAT 10%, giao hàng trên phương tiện bên bán tại kho Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các chi phí khác có liên quan.


21

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẴM

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm được duyệt]

Tên Phương án mua sắm: _____ [Ghi tên PAMS]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá cạnh tranh]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh, văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm Thư mời chào giá cạnh tranh do _____ [Ghi tên bên mời chào giá] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà cung cấp: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
E-mail:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
Mô tả tính chất tương tự đối với gói mua sắm		
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]	
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà cung cấp: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá thư chào giá

- Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá thư chào giá.
- Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá thư chào giá.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời chào giá phát hiện bất cứ nhà cung cấp nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và thư chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên của nhà cung cấp liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ CUNG CẤP⁽¹⁾

Tên nhà cung cấp : _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà cung cấp liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất ⁽²⁾ [VND]		
Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh⁽³⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ba năm gần nhất⁽⁴⁾, như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà cung cấp liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh.
2. Các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
4. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành và được kiểm toán. Kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:
 - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
 - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
 - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
 - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
 - Báo cáo kiểm toán;
 - Các tài liệu khác.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên của nhà cung cấp liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2), (4) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Mục 2.1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá thầu chaog giá.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà cung cấp sẽ chia tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

BẢO LÃNH DỰ CHÀO GIÁ⁽¹⁾

Bên thụ hưởng: [ghi tên và địa chỉ của Bên mời chào giá]

Ngày phát hành bảo lãnh: [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ CHÀO GIÁ SỐ: [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự chào giá]

Bên bảo lãnh: [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà cung cấp] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào giá để thực hiện gói mua sắm [ghi tên gói mua sắm] thuộc phương án [ghi tên phương án] theo Thư mời chào giá /thông báo mời chào giá số [ghi số trích yếu của Thư mời chào giá /thông báo mời chào giá].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà cung cấp tham dự chào giá gói mua sắm này bằng một khoản tiền là ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà cung cấp vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà cung cấp rút hồ sơ dự chào giá sau thời điểm đóng thư chào giá và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự chào giá;

2. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời chào giá, trừ trường hợp bất khả kháng;

3. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng cung cấp của Bên mời chào giá hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 9 bảo đảm dự chào giá.

(3) Ghi ngày đóng thư chào giá theo quy định tại Mục 11 Chương I chỉ dẫn nhà cung cấp.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI MUA SẮM

Mục 1. Phạm vi cung cấp:

Gồm có 02 lô mua sắm:

+ Lô số 01: Hộp giảm tốc liền động cơ.

+ Lô số 02: Hộp giảm tốc di chuyển, nâng hạ và các ứng dụng khác.

(Nhà cung cấp có thể chào giá 1 trong 2 lô, hoặc chào cả 02 lô nhưng phải chào đủ số lượng của lô chào hàng mà Nhà cung cấp tham gia).

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà cung cấp lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được mô tả theo Bảng dưới đây:

1.1. Lô số 01: Hộp giảm tốc liền động cơ:

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Xuất xứ	ĐV	Số lượng
1	Động cơ liền HGT vít tải 12/16.23	Động cơ: Type: 7WAR 161 M4 TH TF; Công suất : 11KW, Tốc độ: 1450 v/ph Hộp giảm tốc: Type: HU85A 161M4; Tỉ số truyền I = 30.42	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1
2	Động cơ liền HGT van quay 13/14.20.02	Động cơ: Type: 7WAR 101 L4 TH; CS: 2.2KW; TĐ: 1400 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HU65A 101L4; Tỉ số truyền I = 45.41	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1
3	Động cơ liền HGT van quay 13/14.22	Động cơ: Type: 7WAR 101 L4 TH; CS: 2.2KW, TĐ: 1400 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HU65A 101L4; Tỉ số truyền I = 45.41	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1
4	Động cơ liền HGT vít tải lọc bụi 22.06	Động cơ: Type: 7WAR 114 M4 TH; CS: 4.0KW, TĐ: 1430 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HU80A114M4; ZT Code: 0812B13104 Tỉ số truyền I = 46.77	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1
5	Động cơ liền HGT van quay 19.04.01	Type: HF85A 3B 100L-04F-TH-TF hoặc tương đương	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1
6	Động cơ liền HGT van quay lọc bụi 19.06	Động cơ: Type: 7WAR 91 S4 TH; CS: 1.1KW, TĐ: 1390 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HF65A91S4; Tỉ số truyền I = 45.41	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1
7	Động cơ liền HGT vít tải 19.10.01;02	Động cơ: Type: 7WAR 114 M4 TH; CS: 4.0KW, TĐ: 1430 v/ph. ZT Code: 0712B20083 Hộp giảm tốc: Type: HU70A114M4; ZT Code: 0712B20083 Tỉ số truyền I = 25.25	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1

1.2. Lô số 02: Hộp giảm tốc di chuyển, nâng hạ và các ứng dụng khác.

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
1	Hộp giảm tốc liền rulô máy rải 06/18.01	Type: YTH 7-IG, F630 mm, Chiều rộng băng: 800 mm, Tốc độ băng: 2 m/s, Công suất 22 kW	YINGDA/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1
2	Động cơ liền HGT di chuyển chậm 05.02-2	Hộp giảm tốc: Type: XWED42-187-0.55kW; Chiều cao tâm trục: 150 mm; Động cơ: Type: YVP-80-4; 0.55Kw; 380V, IP54	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2
3	Động cơ liền hộp giảm tốc di chuyển chậm máy cào 06/18.03	Hộp giảm tốc: Type: XWD3-9-1,5KW. Chiều cao tâm trục: 140mm, Động cơ: Type: YVP90L-4, IP54	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1
4	Hộp giảm tốc nâng hạ cân cào 06/18.03	Tốc độ nâng hạ nhanh: 17m/min Tốc độ nâng hạ chậm: 1,84m/min Yêu cầu Nhà cung cấp đến khảo sát tại hiện trường Bao gồm: Động cơ chính Động cơ phụ Hộp giảm tốc Tang cuốn cáp	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1
5	Hộp giảm tốc van quay cyclone lắng	Động cơ liền HGT van quay. Mã hiệu: BLY22-71-3kW	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1
6	Động cơ liền HGT vít tải 12.16.17-01	Động cơ: Type: Y132S-4; CS: 5.5KW; TĐ: 1440 v/ph Hộp giảm tốc: Type: XWD7-59-7.5; Tỉ số truyền I = 59 Đường kính trục đầu ra:	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1
7	Động cơ liền HGT vít tải 12.16.17 02;03	Động cơ: Y2-71M-4; CS: 0.37KW; TĐ: 1330v/ph. Hộp giảm tốc: TYPE: XWED 42 - 121 - 0.37. Tỉ số truyền: 121	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1
8	Động cơ liền HGT búa gõ cực phóng lọc bụi điện 12.16.19	Động cơ: Kiểu: YS7104; Giảm tốc: Kiểu: XWED8135A-2065-0.18	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2
9	Động cơ liền HGT van quay 12/16.19. 03;04	Động cơ: Type: Y 100L1 - 4; CS: 2.2KW, TĐ: 1430 v/ph Hộp giảm tốc: Type: XLD4 - 43 - 3; Tỉ số truyền: 43	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1
10	Động cơ liền HGT van quay 15a.13.03.04	Động cơ: Type: Y 90L - 4T; CS: 1.5KW, TĐ: 1400 v/ph Hộp giảm tốc: Type: XLD3 - 43 - 1.5; Tỉ số truyền: 43	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
11	Động cơ liên HGT cân bằng 19.03.01;02	Động cơ: Type: 7WAR 114 M4 TH; CS: 4.0KW, TĐ: 1430 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HU80A114M4; ZT Code: 0812B13104. Tỉ số truyền I = 46.77	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1
12	Động cơ liên HGT băng rút bao 26,08,01-02	Động cơ: Type: Y90L-4; p=1.5Kw, tốc độ 1390 v/p. Hộp giảm tốc: Type: BWY18-29-1.5KW; Tỷ số truyền 29 Products code A-5143	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1
13	Động cơ liên HGT băng máng xuất 26.12 01-04	Động cơ: Type: Y90L-4; p=1.5Kw, tốc độ 1390 v/p. Hộp giảm tốc: Type: BWY18-29-1.5KW; Tỷ số truyền 29 Công suất: 1.5KW; Products code A-5143	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2
14	Động cơ liên HGT làm sạch bao 26.09 01-02	Type: TIBV30-15; Công suất 1,5kW.	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2
15	Động cơ liên HGT van quay cụm lọc bụi 22.10 -01-02-03	Type: XWD-4-9-2.2 kW	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1
16	Động cơ liên HGT Băng máng xuất xi măng	Công suất động cơ 4KW, tốc độ 1440v/p; kiểu HGT HMW-135-1/30, size: 135, tỷ số truyền i=1/30, kích thước trục đầu ra Ø55x95, kiểu lắp chân đế	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật:
1.1. Lô số 01: Hộp giảm tốc liền động cơ:

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Xuất xứ	ĐV	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Mức độ đáp ứng	
							Đạt	Không đạt
1	Động cơ liền HGT vít tải 12/16.23	Động cơ: Type: 7WAR 161 M4 TH TF; Công suất : 1.1KW, Tốc độ: 1450 v/ph Hộp giảm tốc: Type: HU85A 161M4; Tỉ số truyền I = 30.42	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1	1. Yêu cầu về năng lực kỹ thuật: + Các đơn vị tham gia chào giá cung cấp các tài liệu kỹ thuật, danh mục mã hiệu vật tư dự phòng thay thế định kỳ của hãng kèm theo.	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
							Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
2	Động cơ liền HGT van quay 13/14.20.02	Động cơ: Type: 7WAR 101 L4 TH; CS: 2.2KW; TĐ: 1400 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HU65A 101L4; Tỉ số truyền I = 45.41	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1	2. Yêu cầu về kỹ thuật: + Nhà cung cấp chào hộp giảm tốc đảm bảo tương thích với thiết kế của bên A. Trường hợp nhà cung cấp chuyển đổi tương đương hoặc nâng cấp công suất. Yêu cầu nhà cung cấp tiến hành khảo sát cụ thể thiết bị hiện tại, nêu rõ các thông số: Yêu cầu kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, các tài liệu về nhãn hiệu, catalog, hướng dẫn vận hành của danh mục vật tư tương đương hay nâng cấp đó.catalog, hướng dẫn vận hành kèm theo.	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
							Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
3	Động cơ liền HGT van quay 13/14.22	Động cơ: Type: 7WAR 101 L4 TH; CS: 2.2KW, TĐ: 1400 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HU65A 101L4; Tỉ số truyền I = 45.41	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1	+ Hãng hóa được đóng gói, bảo quản đúng yêu cầu kỹ thuật, khi giao hàng có giấy chứng chỉ CO, CQ ban chính kèm theo.	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
							Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
4	Động cơ liền HGT vít tải lọc bụi 22.06	Động cơ: Type: 7WAR 114 M4 TH; CS: 4.0KW, TĐ: 1430 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HU80A114M4; ZT Code: 0812B13104 Tỉ số truyền I = 46.77	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
							Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
5	Động cơ liền HGT van quay 19.04.01	Type: HF85A 3B 100L-04F-TH-TF hoặc tương đương	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
							Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
6	Động cơ liền HGT van quay lọc bụi 19.06	Động cơ: Type: 7WAR 91 S4 TH; CS: 1.1KW, TĐ: 1390 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HF65A91S4; Tỉ số truyền I = 45.41	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
							Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
7	Động cơ liền HGT vít tải 19.10.01;02	Động cơ: Type: 7WAR 114 M4 TH; CS: 4.0KW, TĐ: 1430 v/ph. ZT Code: 0712B20083 Hộp giảm tốc: Type: HU70A114M4; ZT Code: 0712B20083 Tỉ số truyền I = 25.25	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
							Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Xuất xứ	ĐV	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Mức độ đáp ứng	
							Đạt	Không đạt
8	Điều kiện nghiệm thu						Đạt	Không đạt
8.1	+ Nghiệm thu tĩnh: Hộp giảm tốc (Hàng hóa) khi bên B vận chuyển hàng hóa lên Nhà máy xi măng vicem sông Thao hai bên tiến hành nghiệm thu về các thông số kỹ thuật, quy cách, kiểm tra các tài liệu chứng nhận, nếu hàng hóa phù hợp với bản vẽ, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng hàng hóa như quy định. Hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu tĩnh và bàn giao đưa vào sử dụng.						Có cam kết chấp nhận điều kiện nghiệm thu của Bên A	Không có cam kết chấp nhận điều kiện nghiệm thu của Bên A
8.2	+ Nghiệm thu chạy thử có tải và không tải: Trong vòng 45 ngày sau khi tiến hành nghiệm thu tĩnh đảm bảo yêu cầu bên A sẽ tiến hành lắp đặt thay thế hộp giảm tốc vào vị trí và tiến hành chạy thử không tải, chạy thử có tải trong vòng 72 giờ để hai bên phối hợp nghiệm thu. Sau khi chạy thử có tải nếu thiết bị làm việc ổn định, đảm bảo chất lượng, đảm bảo tương thích với thiết bị trong dây chuyền hai bên sẽ tiến hành ký biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng. Trường hợp các HGT dự phòng không lắp đặt sau 45 ngày. Hai bên sẽ làm biên bản thống nhất làm cơ sở để quyết toán Hợp đồng.						Có cam kết chấp nhận điều kiện nghiệm thu của Bên A	Không có cam kết chấp nhận điều kiện nghiệm thu của Bên A
9	Điều kiện bán hành: Thời gian bảo hành 12 tháng kể từ khi bàn giao đưa thiết bị vào sử dụng.						Đáp ứng yêu cầu	Không ứng yêu cầu
10	Tiến độ: Giao hàng 60 ngày kể từ ngày ký kết HDKT. Giao hàng trước tháng 10/2020						Đáp ứng yêu cầu	Không ứng yêu cầu
Đánh giá	<u>Đáp ứng</u>						Đạt tất cả các nội dung nêu trên	
	<u>Không đáp ứng</u>						Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên	



1.2. Lô số 02: Hộp giảm tốc di chuyển, nâng hạ và các ứng dụng khác.

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Mức độ đáp ứng	
							Đạt	Không đạt
1	Hộp giảm tốc liên rulo máy rải 06/18.01	Type: YTH 7-IG, F630 mm, Chiều rộng băng: 800 mm, Tốc độ băng: 2 m/s, Công suất 22 kW	YINGDA/TQ hoặc tương đương	Bộ	1	1. Yêu cầu về năng lực kỹ thuật: + Các đơn vị tham gia chào giá cung cấp các tài liệu kỹ thuật, danh mục mã hiệu vật tư dự phòng thay thế định kỳ của hãng kèm theo. 2. Yêu cầu về kỹ thuật: + Nhà cung cấp chào hộp giảm tốc đảm bảo tương thích với thiết kế của bên A. Trường hợp nhà cung cấp chuyên đòi tương đương hoặc nâng cấp công suất. Yêu cầu nhà cung cấp tiến hành khảo sát cụ thể thiết bị hiện tại, nêu rõ các thông số: Yêu cầu kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, các tài liệu về nhãn hiệu, catalog, hướng dẫn vận hành của danh mục vật tư tương đương hay nâng cấp đó.catalog, hướng dẫn vận hành kèm theo. + Hãng hóa được đóng gói, bảo quản đúng yêu cầu kỹ thuật, khi giao hàng có giấy chứng chỉ CO, CQ bản chính kèm theo.	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
2	Động cơ liên HGT di chuyển chậm 05.02-2	Hộp giảm tốc: Type: XWED42-187-0.55kW; Chiều cao tâm trục: 150 mm; Động cơ: Type: YVP-80-4; 0.55Kw; 380V, IP54	GOUMAO/TQ hoặc tương đương	Bộ	2		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
3	Động cơ liên hộp giảm tốc di chuyển chậm máy cào 06/18.03	Hộp giảm tốc: Type: XWD3-9-1,5KW. Chiều cao tâm trục: 140mm, Động cơ: Type: YVP90L-4, IP54	GOUMAO/TQ hoặc tương đương	Bộ	1		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
4	Hộp giảm tốc nâng hạ cần cào 06/18.03	Tốc độ nâng hạ nhanh: 17m/min Tốc độ nâng hạ chậm: 1,84m/min Yêu cầu Nhà cung cấp đến khảo sát tại hiện trường Bao gồm: Động cơ chính Động cơ phụ Hộp giảm tốc Tang cuốn cáp	GOUMAO/TQ hoặc tương đương	Bộ	1		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
5	Hộp giảm tốc van quay cyclone lắng	Động cơ liên HGT van quay. Mã hiệu: BLY22-71-3kW	GOUMAO/TQ hoặc tương đương	Bộ	1		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
6	Động cơ liên HGT vít tải 12.16.17-01	Động cơ: Type: Y132S-4; CS: 5.5KW; TĐ: 1440 v/ph Hộp giảm tốc: Type: XWD7-59-7.5; Tỉ số truyền I = 59 Đường kính trục đầu ra:	GOUMAO/TQ hoặc tương đương	Bộ	1		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Mức độ đáp ứng	
							Đạt	Không đạt
7	Động cơ liên HGT vít tải 12.16.17 02;03	Động cơ: Y2-71M-4; CS: 0.37KW; TĐ: 1330v/ph. Hộp giảm tốc: TYPE: XWED 42 - 121 - 0.37. Tỉ số truyền: 121	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1	1. Yêu cầu về năng lực kỹ thuật: + Các đơn vị tham gia chào giá cung cấp các tài liệu kỹ thuật, danh mục mã hiệu vật tư dự phòng thay thế định kỳ của hãng kèm theo. 2. Yêu cầu về kỹ thuật: + Nhà cung cấp chào hộp giảm tốc đảm bảo tương thích với thiết kế của bên	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
8	Động cơ liên HGT búa gỗ cực phóng lọc bụi điện 12.16.19	Động cơ: Kiểu: YS7104; Giảm tốc: Kiểu: XWED8135A-2065-0.18	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2	A. Trường hợp nhà cung cấp chuyên đổi tương đương hoặc nâng cấp công suất. Yêu cầu nhà cung cấp tiến hành khảo sát cụ thể thiết bị hiện tại, nêu rõ các thông số: Yêu cầu kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, các tài liệu về nhãn hiệu, catalog, hướng dẫn vận hành của danh mục vật tư tương đương hay nâng cấp đó.catalog, hướng dẫn vận hành kèm theo. + Hàng hóa được đóng gói, bảo quản đúng yêu cầu kỹ thuật, khi giao hàng có giấy chứng chỉ CO, CQ bản chính kèm theo.	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
9	Động cơ liên HGT van quay 12/16.19. 03;04	Động cơ: Type: Y 100L1 - 4; CS: 2.2KW, TĐ: 1430 v/ph Hộp giảm tốc: Type: XLD4 - 43 - 3; Tỉ số truyền: 43	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
10	Động cơ liên HGT van quay 15a.13.03.04	Động cơ: Type: Y 90L - 4T; CS: 1.5KW, TĐ: 1400 v/ph Hộp giảm tốc: Type: XLD3 - 43 - 1.5; Tỉ số truyền: 43	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
11	Động cơ liên HGT cân băng 19.03.01;02	Động cơ: Type: 7WAR 114 M4 TH; CS: 4.0KW, TĐ: 1430 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HU80A114M4; ZT Code: 0812B13104. Tỉ số truyền I = 46.77	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
12	Động cơ liên HGT băng rút bao 26.08,01-02	Động cơ: Type: Y90L-4; p=1.5Kw, tốc độ 1390 v/p. Hộp giảm tốc: Type: BWY18-29-1.5KW; Tỉ số truyền 29 Products code A-5143	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật



TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Mức độ đáp ứng		
							Đạt	Không đạt	
13	Động cơ liên HGT băng máng xuất 26.12 01-04	Động cơ: Type: Y90L-4; p=1.5KW, tốc độ 1390 v/p. Hộp giảm tốc: Type: BWY18-29-1.5KW; Tỷ số truyền 29 Công suất: 1.5KW; Products code A-5143	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2	1. Yêu cầu về năng lực kỹ thuật: + Các đơn vị tham gia chào giá cung cấp các tài liệu kỹ thuật, danh mục mã hiệu vật tư dự phòng thay thế định kỳ của hãng kèm theo. 2. Yêu cầu về kỹ thuật: + Nhà cung cấp chào hợp giám tốc đảm bảo tương thích với thiết kế của bên A. Trường hợp nhà cung cấp chuyển đổi tương đương hoặc nâng cấp công suất. Yêu cầu nhà cung cấp tiến hành khảo sát cụ thể thiết bị hiện tại, nêu rõ các thông số: Yêu cầu kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, các tài liệu về nhãn hiệu, catalog, hướng dẫn vận hành của danh mục vật tư tương đương hay nâng cấp đó.catalog, hướng dẫn vận hành kèm theo. + Hàng hóa được đóng gói, bảo quản đúng yêu cầu kỹ thuật, khi giao hàng có giấy chứng chỉ CO, CQ bản chính kèm theo.	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
14	Động cơ liên HGT làm sạch bao 26.09 01-02	Type: TIBV30-15; Công suất 1,5kW.	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
15	Động cơ liên HGT van quay cụm lọc bụi 22.10 -01-02-03	Type: XWD-4-9-2.2 kW	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
16	Động cơ liên HGT Băng máng xuất xi măng	Công suất động cơ 4KW, tốc độ 1440v/p; kiểu HGT HMTW-135-1/30, size: 135, tỷ số truyền i=1/30, kích thước trục đầu ra Ø55x95, kiểu lắp chân đế	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
17	Điều kiện nghiệm thu								
17.1	+ Nghiệm thu tĩnh: Hộp giảm tốc (Hàng hóa) khi bên B vận chuyển hàng hóa lên Nhà máy xi măng vicem sông Thao hai bên tiến hành nghiệm thu về các thông số kỹ thuật, quy cách, kiểm tra các tài liệu chứng nhận, nếu hàng hóa phù hợp với bản vẽ, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng hàng hóa như quy định. Hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu tĩnh và bàn giao đưa vào sử dụng.						Có cam kết chấp nhận điều kiện nghiệm thu của Bên A	Không có cam kết chấp nhận điều kiện nghiệm thu của Bên A	

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Mức độ đáp ứng		
							Đạt	Không đạt	
17.2		+ Nghiệm thu chạy thử có tải và không tải: Trong vòng 45 ngày sau khi tiến hành nghiệm thu tính đảm bảo yêu cầu bên A sẽ tiến hành lắp đặt thay thế hộp giám tốc vào vị trí và tiến hành chạy thử không tải, chạy thử có tải trong vòng 72 giờ để hai bên phối hợp nghiệm thu. Sau khi chạy thử có tải nếu thiết bị làm việc ổn định, đảm bảo chất lượng, đảm bảo tương thích với thiết bị trong dây chuyền hai bên sẽ tiến hành ký biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng. Trường hợp các HGT dự phòng không lắp đặt sau 45 ngày. Hai bên sẽ làm biên bản thống nhất làm cơ sở để quyết toán Hợp đồng.					Có cam kết chấp nhận điều kiện nghiệm thu của Bên A	Không có cam kết chấp nhận điều kiện nghiệm thu của Bên A	
18		Điều kiện bán hành: Thời gian bảo hành 12 tháng kể từ khi bàn giao đưa thiết bị vào sử dụng.					Đáp ứng yêu cầu	Không ứng yêu cầu	
19		Tiến độ: Giao hàng 60 ngày kể từ ngày ký kết HĐKT. Giao hàng trước tháng 10/2020					Đáp ứng yêu cầu	Không ứng yêu cầu	
Đánh giá	<u>Đáp ứng</u>						Đạt tất cả các nội dung nêu trên		
	<u>Không đáp ứng</u>						Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên		



Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /2020/HĐKT

V/v: Mua hộp giảm tốc các loại phục vụ sửa chữa năm 2020

Căn cứ Bộ luật dân sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ Luật Thương mại của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ biên bản thương thảo ngày / /2020 giữa Hai Bên;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMST, ngày / /2020 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp gói mua sắm: Mua hộp giảm tốc các loại (Ký hiệu: XMST/2020/HGT)

Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên.

Hôm nay, ngày / /2020, tại Vicem Sông Thao, chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN BÊN A (BÊN MUA):

- Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
- Địa chỉ : Xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
- Người đại diện : Ông Nguyễn Quang Huy - Chức vụ: **Tổng giám đốc**
- Điện thoại : (0210) 3884 927
- Fax : (0210) 3884 929
- Tài khoản số : 115000040144, tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh Đền Hùng
- Mã số thuế : 2600279082

II. ĐẠI DIỆN BÊN B (BÊN BÁN)

- Tên đơn vị :
- Địa chỉ :
- Điện thoại :
- Fax :
- Tài khoản :
- Ngân hàng :
- Mã số thuế :
- Đại diện : Ông (Bà)- Chức vụ :

 37

**HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:**

Điều 1: Nội dung Hợp đồng:

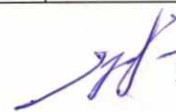
1.1. Nội dung Hợp đồng: Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán hộp giảm tốc (sau đây gọi là hàng hóa) phục vụ sửa chữa, thay thế thiết bị năm 2020 - Nhà máy xi măng Vicem Sông Thao.

1.2. Giá trị Hợp đồng:đồng
(Bằng chữ :)

Bảng chi tiết danh mục, giá trị Hợp đồng:

A.Lô số 01: Hộp giảm tốc liền động cơ:

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	ĐV	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Động cơ liền HGT vít tải 12/16.23	Động cơ: Type: 7WAR 161 M4 TH TF; Công suất : 11KW, Tốc độ: 1450 v/ph Hộp giảm tốc: Type: HU85A 161M4; Ti số truyền I = 30.42	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1		
2	Động cơ liền HGT van quay 13/14.20.02	Động cơ: Type: 7WAR 101 L4 TH; CS: 2.2KW; TĐ: 1400 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HU65A 101L4; Ti số truyền I = 45.41		Bộ	1		
3	Động cơ liền HGT van quay 13/14.22	Động cơ: Type: 7WAR 101 L4 TH; CS: 2.2KW; TĐ: 1400 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HU65A 101L4; Ti số truyền I = 45.41		Bộ	1		
4	Động cơ liền HGT vít tải lọc bụi 22.06	Động cơ: Type: 7WAR 114 M4 TH; CS: 4.0KW; TĐ: 1430 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HU80A114M4; ZT Code: 0812B13104 Ti số truyền I = 46.77		Bộ	1		
5	Động cơ liền HGT van quay 19.04.01	Type: HF85A 3B 100L-04F-TH-TF hoặc tương đương		Bộ	1		
6	Động cơ liền HGT van quay lọc bụi 19.06	Động cơ: Type: 7WAR 91 S4 TH; CS: 1.1KW; TĐ: 1390 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HF65A91S4; Ti số truyền I = 45.41		Bộ	1		

 38

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	ĐV	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
7	Động cơ liên HGT vít tải 19.10.01;02	Động cơ: Type: 7WAR 114 M4 TH; CS: 4.0KW, TĐ: 1430 v/ph. ZT Code: 0712B20083 Hộp giảm tốc: Type: HU70A114M4; ZT Code: 0712B20083 Tỉ số truyền I = 25.25	WATT DRIVE/ÁO hoặc tương đương	Bộ	1		
Tổng Cộng trước thuế							
Thuế VAT 10%							
Tổng cộng sau thuế							

B. Lô số 02: Hộp giảm tốc di chuyển, nâng hạ và các ứng dụng khác.

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Hộp giảm tốc liên rulô máy rải 06/18.01	Type: YTH 7-IG, F630 mm, Chiều rộng băng: 800 mm, Tốc độ băng: 2 m/s, Công suất 22 kW	YINGDA/TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
2	Động cơ liên HGT di chuyển chậm 05.02-2	Hộp giảm tốc: Type: XWED42-187-0.55kW; Chiều cao tâm trục: 150 mm; Động cơ: Type: YVP-80-4; 0.55Kw; 380V, IP54	GOUMAO/TQ hoặc tương đương	Bộ	2		
3	Động cơ liên hộp giảm tốc di chuyển chậm máy cào 06/18.03	Hộp giảm tốc: Type: XWD3-9-1,5KW. Chiều cao tâm trục: 140mm, Động cơ: Type: YVP90L-4, IP54	GOUMAO/TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
4	Hộp giảm tốc nâng hạ cần cào 06/18.03	Tốc độ nâng hạ nhanh: 17m/min Tốc độ nâng hạ chậm: 1,84m/min Yêu cầu Nhà cung cấp đến khảo sát tại hiện trường Bao gồm: Động cơ chính Động cơ phụ Hộp giảm tốc Tang cuốn cáp	GOUMAO/TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
5	Hộp giảm tốc van quay cyclone lắng	Động cơ liên HGT van quay. Mã hiệu: BLY22-71-3kW	GOUMAO/TQ hoặc tương đương	Bộ	1		

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
6	Động cơ liên HGT vít tải 12.16.17-01	Động cơ: Type: Y132S-4; CS: 5.5KW; TĐ: 1440 v/ph Hộp giảm tốc: Type: XWD7-59-7.5; Tỉ số truyền I = 59 Đường kính trục đầu ra:	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
7	Động cơ liên HGT vít tải 12.16.17 02;03	Động cơ: Y2-71M-4; CS: 0.37KW; TĐ: 1330v/ph. Hộp giảm tốc: TYPE: XWED 42 - 121 - 0.37. Tỉ số truyền: 121	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
8	Động cơ liên HGT búa gỗ cục phóng lọc bụi điện 12.16.19	Động cơ: Kiểu: YS7104; Giảm tốc: Kiểu: XWED8135A-2065-0.18	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2		
9	Động cơ liên HGT van quay 12/16.19. 03;04	Động cơ: Type: Y 100L1 - 4; CS: 2.2KW, TĐ: 1430 v/ph Hộp giảm tốc: Type: XLD4 - 43 - 3; Tỉ số truyền: 43	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
10	Động cơ liên HGT van quay 15a.13.03.0 4	Động cơ: Type: Y 90L - 4T; CS: 1.5KW, TĐ: 1400 v/ph Hộp giảm tốc: Type: XLD3 - 43 - 1.5; Tỉ số truyền: 43	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2		
11	Động cơ liên HGT cân bằng 19.03.01;02	Động cơ: Type: 7WAR 114 M4 TH; CS: 4.0KW, TĐ: 1430 v/ph. Hộp giảm tốc: Type: HU80A114M4; ZT Code: 0812B13104. Tỉ số truyền I = 46.77	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
12	Động cơ liên HGT băng rút bao 26,08,01-02	Động cơ: Type: Y90L-4; p=1.5Kw, tốc độ 1390 v/p. Hộp giảm tốc: Type: BWY18-29-1.5KW; Tỷ số truyền 29 Products code A-5143	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
13	Động cơ liên HGT băng máng xuất 26.12 01-04	Động cơ: Type: Y90L-4; p=1.5Kw, tốc độ 1390 v/p. Hộp giảm tốc: Type: BWY18-29-1.5KW; Tỷ số truyền 29 Công suất: 1.5KW; Products code A-5143	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2		
14	Động cơ liên HGT làm sạch bao 26.09 01-02	Type: TIBV30-15; Công suất 1,5kW.	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	2		

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
15	Động cơ liền HGT van quay cụm lọc bụi 22.10 -01-02-03	Type: XWD-4-9-2.2 kW	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
16	Động cơ liền HGT Băng máng xuất xi măng	Công suất động cơ 4KW, tốc độ 1440v/p; kiểu HGT HMW-135-1/30, size: 135, tỷ số truyền i=1/30, kích thước trục đầu ra Ø55x95, kiểu lắp chân đế	GOUMAO/ TQ hoặc tương đương	Bộ	1		
Tổng Cộng trước thuế							
Thuế VAT 10%							
Tổng cộng sau thuế							

Giá trị nêu trên bao gồm chi phí thiết bị hàng hóa, chi phí vận chuyển hàng hóa đến kho Bên A trên phương tiện Bên B và các chi phí khác có liên quan đến việc cung cấp thiết bị và thuế GTGT 10%.

1.3. Loại Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 2: Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và điều kiện nghiệm thu:

2.1. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng:

- Hàng hoá mới 100%, chưa qua sử dụng; đúng chủng loại, mã hiệu, đúng Hãng sản xuất và nguồn gốc xuất xứ như nêu tại Điều 1 của Hợp đồng.
- Hàng hóa phải đúng Hãng sản xuất và xuất xứ như quy định nêu tại Điều 1 của Hợp đồng. Khi giao hàng Bên B phải cung cấp đầy đủ các giấy chứng chỉ chất lượng C/Q, giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ hàng hóa C/O (bản gốc hoặc bản sao có công chứng), Parking list;
- Hàng hóa được đóng gói, bảo quản đúng tiêu chuẩn Nhà sản xuất (*đối với các hàng đóng gói trong kiện yêu cầu phải đảm bảo nguyên đai, nguyên kiện*); đảm bảo hàng hóa không bị biến dạng cơ học như trầy xước, móp méo, cong vênh...
- Khi giao hàng, Bên B cung cấp đầy đủ catalog, các tài liệu kỹ thuật, các hướng dẫn, chỉ dẫn kỹ thuật phục vụ công tác lắp đặt và bảo dưỡng thiết bị, danh mục, mã hiệu vật tư dự phòng thay thế định kỳ của hãng sản xuất, Bản vẽ lắp đặt.
- Hàng hóa phải đảm bảo tương thích với thiết bị của Bên A trong dây chuyền tại Nhà máy xi măng Vicem Sông Thao.

2.2. Điều kiện nghiệm thu:

2.2.1 Nghiệm thu tĩnh:

a. Khi bên B vận chuyển hàng hóa lên Nhà máy xi măng vicem sông Thao hai bên tiến hành nghiệm thu về các thông số kỹ thuật, quy cách, kiểm tra các tài liệu chứng nhận, nếu hàng hóa phù hợp với bản vẽ, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng hàng hóa như nêu từ điểm a đến điểm d - Khoản 2.1 - Điều 2 của Hợp đồng. Hai Bên sẽ tiến hành nghiệm thu và nhập kho hàng hóa.

b. Bên A có quyền từ chối nghiệm thu nếu hàng hóa Bên B cung cấp không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng; không đầy đủ giấy tờ kèm theo như nêu từ điểm a đến điểm e - Khoản 2.1 - Điều 2 của Hợp đồng. Trong trường hợp này Bên B phải vận chuyển hàng hóa bị Bên A từ chối nghiệm thu về và có trách nhiệm cung cấp hàng hóa khác đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và đảm bảo thời gian giao hàng theo yêu cầu của Hợp đồng. Mọi chi phí khắc phục để thực hiện Hợp đồng do Bên B chịu.

2.2.2. Nghiệm thu chạy thử không tải và có tải:

a. Trong vòng 60 ngày, kể từ ngày hàng hóa được Hai Bên nghiệm thu nhập kho, Bên A sẽ tiến hành lắp đặt thay thế hộp giảm tốc vào vị trí tại Nhà máy của Bên A và tiến hành chạy thử có tải trong vòng 72 giờ để kiểm tra tính tương thích và chất lượng của hàng hóa.

Trước khi tiến hành chạy thử thiết bị, Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết trước 02 ngày để Hai Bên cùng phối hợp chạy thử và nghiệm thu thiết bị.

Nếu sau khi chạy thử có tải 72 giờ, thiết bị hoạt động ổn định, máy chạy êm, đảm bảo công suất theo thiết kế; hàng hóa tương thích với thiết bị đang sử dụng của Bên A thì Hai Bên sẽ tiến hành nghiệm thu bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng và lập Hồ sơ Quyết toán Hợp đồng.

b. Trường hợp sau 60 ngày, kể từ ngày hàng hóa được nghiệm thu nhập kho mà Bên A không tiến hành lắp đặt thiết bị và chạy thử có tải 72 giờ, thì Hai Bên sẽ lập Hồ sơ quyết toán trên cơ sở Biên bản nghiệm thu nhập kho hàng hóa. Khi đó, Bên B vẫn phải chịu trách nhiệm về chất lượng của hàng hóa, đảm bảo hàng hóa do Bên B cung cấp khi lắp đặt đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, được Hai Bên nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng trong dây truyền của Bên A.

Điều 3: Thời gian, địa điểm giao hàng, phương thức giao nhận:

3.1. Thời gian giao hàng:

Phạm vi thời gian, kể từ ngày Hai Bên ký Hợp đồng đến ngày muộn nhất Bên B phải giao hàng cho Bên A trong vòng 60 ngày.

Trước khi giao hàng 02 ngày, Bên B thông báo cho Bên A bằng văn bản (fax, điện thoại) về thời gian giao hàng.

3.2. Địa điểm, phương thức giao hàng: Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của Bên B, tại kho của Bên A: Xã Ninh Dân, Thanh Ba, Phú Thọ.

Điều 4: Phương thức thanh toán:

4.1. Quyết toán Hợp đồng:

Sau khi Bên B hoàn thành việc cung cấp hàng hóa cho Bên A, trên cơ sở Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng được A – B ký (trong trường hợp trong vòng 60 ngày, hàng hóa đã được đưa vào lắp đặt, chạy thử trong 72 giờ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, được Hai Bên nghiệm thu) hoặc Biên bản nghiệm thu nhập kho (trong trường hợp quá 60 ngày mà Bên A vẫn chưa lắp đặt thiết bị để chạy thử 72 giờ), Hai Bên tiến hành lập Hồ sơ quyết toán. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Hồ sơ quyết toán được A- B ký, giấy đề nghị thanh toán của Bên B, kèm hóa đơn GTGT, Bên A thanh toán cho Bên B 95% giá trị quyết toán và giữ lại 5% giá trị quyết toán để bảo hành hoặc Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị quyết toán khi Bên B cấp cho Bên A giấy bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng có giá trị bằng 5% giá trị quyết toán và có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày phát hành bảo lãnh. Hồ sơ Quyết toán do Bên B lập bao gồm:

- + Công văn đề nghị thanh toán của Bên B;
- + Biên bản nghiệm thu hàng hóa được A-B ký;
- + Biểu quyết toán giá trị hoàn thành;
- + Hóa đơn GTGT hàng hóa.

Các tài liệu pháp lý khác có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

4.2. Thanh lý Hợp đồng:

a. Trường hợp Bên A giữ lại tiền của Bên B để bảo hành:

Hết thời gian bảo hành và Bên B đã xử lý xong các vấn đề phát sinh (nếu có), Hai Bên tiến hành lập Biên bản xác nhận đã hoàn thành công tác bảo hành và Biên bản thanh lý Hợp đồng. Bên A thanh toán nốt cho Bên B số tiền còn lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hai Bên A ký Biên bản thanh lý Hợp đồng.

b. Trường hợp Bên A không giữ lại tiền của Bên B để bảo hành, Bên B bảo hành bằng giấy bảo lãnh của Ngân hàng:

Hợp đồng sẽ tự động được thanh lý sau khi Hai Bên thực hiện xong các nghĩa vụ của mình và không còn vướng mắc gì.

4.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4.4. Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

Điều 5: Trách nhiệm Các Bên:

5.1. Trách nhiệm Bên A:

a. Cùng với Bên B kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa do Bên B giao theo quy định của Hợp đồng, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).

b. Thông báo cho Bên B thời gian chạy thử thiết bị (nếu có) để Hai Bên cùng theo dõi và nghiệm thu.

c. Thực hiện việc lắp đặt thiết bị vào vị trí, tiến hành chạy thử có tải 72 giờ để đánh giá tính tương thích và chất lượng của hàng hóa.

Phối hợp với Bên B lập Biên bản nghiệm thu bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng (nếu thiết bị chạy thử có tải đạt yêu cầu).

d. Phối hợp với Bên B lập Biên bản xác nhận đã hoàn thành công tác bảo hành và đã xử lý xong các vấn đề phát sinh trong thời gian bảo hành (nếu có).

e. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng cho Bên B theo đúng Điều 4 của Hợp đồng.

5.2. Trách nhiệm Bên B:

a. Cung cấp cho Bên A hàng hóa đủ số lượng, đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu tại Điều 1; Điều 2 và giao hàng đúng thời gian nêu tại Điều 3 của Hợp đồng.

b. Phối hợp cùng Bên A nghiệm thu hàng hóa theo quy định tại Khoản 2.2 – Điều 2 của Hợp đồng và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).

c. Bảo hành chất lượng hàng hóa theo qui định tại Điều 7 của Hợp đồng.

d. Phối hợp với Bên A lập biên bản xác nhận đã hoàn thành công tác bảo hành và đã xử lý xong các vấn đề phát sinh trong thời gian bảo hành (nếu có).

e. Cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ Hợp đồng.

Điều 6: Về xử phạt vi phạm Hợp đồng:

6.1. Nếu Bên B giao hàng chậm hơn thời gian qui định trong Hợp đồng, thì Bên B sẽ phải chịu phạt 0,5% giá trị hàng hóa giao chậm/01 ngày giao chậm và thời gian giao chậm không quá 07 ngày. Nếu Bên B giao hàng chậm quá 07 ngày, Bên A có quyền hủy Hợp đồng hoặc không mua những mục vật tư giao chậm mà không phải bồi thường bất cứ thiệt hại nào cho Bên B, đồng thời Bên B phải chịu phạt 8,0% giá trị Hợp đồng.

6.2. Nếu Bên A thanh toán chậm so với quy định tại Điều 5 của Hợp đồng thì Bên A sẽ phải trả lãi cho giá trị chậm trả tính theo lãi suất tiền gửi loại không kỳ hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng tại thời điểm thanh toán.

Điều 7: Bảo hành hàng hóa:

7.1. Thời gian bảo hành:

Hàng hóa được Bên B bảo hành hàng hóa trong 12 tháng kể từ ngày đưa vào sử dụng.

7.2. Trách nhiệm trong thời gian bảo hành:

a. Bên B Bảo hành các hư hỏng hàng hóa do lỗi của của Nhà sản xuất gây ra, không bảo hành các hư hỏng hàng hóa do lỗi của người sử dụng trong quá vận hành gây ra.

b. Trong thời gian bảo hành, khi phát hiện hàng hóa bị hư hỏng do lỗi của Nhà sản xuất, Bên A sẽ thông báo cho Bên B và Bên B có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận, đề xuất và thống nhất phương án khắc phục với Bên A trong vòng không quá 48 giờ kể từ khi Bên B nhận được thông báo. Thời gian khắc phục, xử lý sẽ được Hai Bên xem xét và thống nhất tùy theo mức độ hư hỏng của hàng hóa, nhưng không chậm hơn 20

ngày kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B. Kinh phí để khắc phục, sửa chữa các hư hỏng do Bên B chịu.

c. Nếu sau 48 giờ, kể từ khi Bên A thông báo cho Bên B mà Bên B không tiến hành kiểm tra, xác nhận, đề xuất và thống nhất phương án khắc phục với Bên A thì Bên A sẽ chủ động tiến hành khắc phục, sửa chữa, thay thế. Khi đó, mọi chi phí khắc phục, sửa chữa do Bên B chịu. Đồng thời, Bên A sẽ khấu trừ vào số tiền còn giữ lại để bảo hành. Nếu số tiền giữ lại bảo hành không đủ để khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa thì Bên B phải bồi thường trả cho Bên A số tiền bị thiếu do phải thay thế hàng hóa (*Trong trường hợp Bên A giữ lại tiền để bảo hành*), hoặc Ngân hàng đứng ra bảo lãnh bảo hành cho Bên B phải chi trả tiền sửa chữa, khắc phục hoặc thay thế cho Bên A. Nếu số tiền bảo lãnh bảo hành không đủ để chi trả chi phí sửa chữa, Bên B phải bồi thường trả cho Bên A.

Điều 8. Bất khả kháng:

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, ví dụ như hỏa hoạn, chiến tranh, đình công, nổi loạn, tội phạm, thiên tai, dịch họa, dịch bệnh.... Việc thực hiện những nghĩa vụ Hợp đồng có thể được kéo dài bằng khoảng thời gian xảy ra các hiện tượng bất khả kháng trên và việc kéo dài này sẽ không áp dụng điều khoản phạt Hợp đồng và bồi thường thiệt hại do chậm tiến độ như qui định tại Điều 6 của Hợp đồng.

Điều 9: Điều khoản chung:

9.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, Hai Bên sẽ thông báo cho nhau và cùng bàn bạc giải quyết. Trường hợp phát sinh vướng mắc, Hai Bên không tự giải quyết được, sự việc sẽ được đưa ra Tòa án để giải quyết. Bên vi phạm sẽ chịu mọi án phí.


9.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản để cùng thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Quang Huy
Tổng giám đốc

Họ và tên
Chức vụ

 45